

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HC-ST  
Ngày: 11-8-2020  
V/v Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Vũ

Bà Nguyễn Thị Khuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Giáp Thị Bích Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLST-HC ngày 04 tháng 3 năm 2020 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà Lò Thị Kim T, sinh năm: 1979 và ông Lò Văn M, sinh năm: 1973; cùng địa chỉ: Số nhà A, bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lò Văn M:* Bà Lò Thị Kim T, sinh năm: 1979, địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2020) (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Trần Ngọc T, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số B, tổ dân phố C, phường M, thành phố D, tỉnh Điện Biên (có mặt).

**2. Người bị kiện:**

- UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố D, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Đ, chức vụ: Chủ tịch.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* Ông Phạm Văn S, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ (theo văn bản ủy quyền số 328/UBND-VP ngày 11/3/2020 của UBND thành phố Đ) (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Lò Thị Kim T trình bày:***

Gia đình bà Lò Thị Kim T và ông Lò Văn M được bố mẹ tặng cho 03 thửa đất tại địa chỉ tổ dân phố 2 (nay là tổ dân phố 1), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Cả 03 thửa đất này đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lò Thị Kim T.

Ngày 17/6/2019, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 705/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Lò Thị Kim T - Lò Văn M để thực hiện dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ” giai đoạn 2 (2017-2020), hạng mục công trình: Đường từ cầu A1 xuống cầu C4, địa phận: Phường M, thành phố Đ và Quyết định số: 682/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ, giai đoạn 2 (2017-2020) hạng mục công trình: Đường từ cầu A1 xuống cầu C4, địa phận: Phường M, thành phố Đ (đợt 4). Theo đó, thu hồi của gia đình bà T - ông M 227,3 m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 74,8 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và bồi thường bằng tiền với tổng số là 361.710.000 đồng. Cụ thể:

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 1 (bản đồ lập năm 2018), có diện tích **174 m<sup>2</sup>**, trong đó: Đất ở tại đô thị 100 m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 74 m<sup>2</sup> - Giấy CNQSDĐ số CH23787 do UBND thành phố Đ cấp ngày 18/3/2013. UBND thành phố Đ đã ra quyết định thu hồi: **97 m<sup>2</sup>** đất ở tại đô thị (ODT) và **69,8 m<sup>2</sup>** đất trồng cây lâu năm (CLN). Diện tích đất còn lại là: 3 m<sup>2</sup> đất ở và 4,2 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm

- Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1 (bản đồ lập năm 2018), có diện tích **100 m<sup>2</sup>** Đất ở tại đô thị - Giấy CNQSDĐ số H05604 do UBND thành phố Đ cấp ngày 09/6/2006. UBND thành phố Đ đã ra quyết định thu hồi toàn bộ là **100 m<sup>2</sup>** đất ở tại đô thị (ODT).

- Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 1 (bản đồ lập năm 2018), có diện tích **77,3 m<sup>2</sup>** Đất ở tại đô thị - Giấy CNQSDĐ số BG021510 UBND thành phố Đ cấp ngày 21/3/2013. UBND thành phố Đ đã ra quyết định thu hồi: **30,3 m<sup>2</sup>** đất ở tại đô thị (ODT). Diện tích đất còn lại là: 47 m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị.

Bà Lò Thị Kim T và ông Lò Văn M không đồng ý với việc bồi thường của UBND thành phố Đ vì cho rằng: UBND thành phố Đ đã thu của gia đình ông, bà 227,3 m<sup>2</sup> đất ở đô thị nhưng không bồi thường bằng đất mà chỉ bồi thường bằng tiền, giá trị bồi thường quá thấp so với giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở thực tế tại thời điểm thanh toán tiền bồi thường, phần diện tích đất ở còn lại sau khi bị thu hồi còn quá ít không đảm bảo để xây dựng nhà ở phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Đối với phần diện tích 74,8 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm liền kề với đất ở áp dụng mức bồi thường không phù hợp. Bà T, ông M đề nghị được bồi

thường bằng đất tương đương với diện tích đất ở đã thu hồi 227,3 m<sup>2</sup> tại Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ; đối với phần diện tích đất trồng cây lâu năm liền kề áp dụng mức bồi thường phù hợp với giá trị thực tế.

Ngày 24/6/2019, bà Lò Thị Kim T đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Đ đối với Quyết định thu hồi đất số 705 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 682 của UBND thành phố Đ.

Ngày 20/01/2020, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số: 116/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lò Thị Kim T (lần đầu), với nội dung giữ nguyên Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 và Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ, bà Lò Thị Kim T và ông Lò Văn M đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên:

- Hủy một phần Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ, giai đoạn 2 (2017-2020). Hạng mục công trình: Đường từ cầu A1 xuống cầu C4. Địa phận: Phường M, thành phố Đ (đợt 4); cụ thể: Hủy mục a, thuộc số thứ tự 16 Bồi thường về đất đối với hộ gia đình bà Lò Thị Kim T - ông Lò Văn M tại Biểu niêm yết kèm theo Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ;

- Hủy một phần Quyết định số: 116/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Lò Thị Kim T, địa chỉ bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (lần đầu); cụ thể: Hủy phần giải quyết khiếu nại đối với 02 Quyết định: Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Lò Thị Kim T - Lò Văn M và Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Lý do yêu cầu hủy: Việc giải quyết khiếu nại là vi phạm thời hạn, quá trình giải quyết khiếu nại không xem xét hết các điều kiện thực tế của người khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại không thỏa đáng.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện không thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện nêu trên. Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện cung cấp cho Tòa án: Bản sao các quyết định hành chính bị khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan.

Trong vụ án, không có chứng cứ nào thuộc trường hợp không được công khai theo quy định tại Điều 96 Luật tố tụng Hành chính.

***Tại văn bản số: 438/UBND-TNMT ngày 26/3/2020 của UBND thành phố Đ về việc trả lời ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện như sau:***

1. Đối với nội dung yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ phần liên quan đến bà Lò Thị Kim T.

- Căn cứ hồ sơ kỹ thuật thửa đất, mảnh chính lý, trích lục địa chính 86 năm 2018 (tờ bản đồ số 01) Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ, giai đoạn 2 (2017-2020) Hạng mục công trình: Đường từ cầu A1 xuống cầu C4 do Công ty Cổ phần tài nguyên và Môi trường V thực hiện ngày 05/12/2018 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên phê duyệt ngày 06/12/2018; gia đình bà Lò Thị Kim T đang sử dụng 03 thửa đất số (28+29+59) thuộc đối tượng bị thu hồi đất để thực hiện dự án này. Nguồn gốc sử dụng đất của 03 thửa đất (28+29+59), tờ bản đồ số 01, cụ thể:

+ Đối với thửa đất số 28: Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được UBND thành phố Đ cấp giấy CNQSDĐ số CH23787 ngày 18/3/2013, diện tích cấp 174,0 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị 100,0 m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 74,0 m<sup>2</sup>. Diện tích tăng thêm sử dụng ổn định không tranh chấp được UBND phường M xác nhận ngày 12/3/2019 tại phiếu lấy ý kiến dân cư.

+ Đối với thửa đất số 29: Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được UBND thành phố Đ cấp giấy CNQSDĐ số H05604 ngày 09/8/2006, diện tích 100,0 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị. Diện tích tăng thêm sử dụng ổn định không tranh chấp được UBND phường M xác nhận ngày 12/3/2019 tại phiếu lấy ý kiến dân cư.

+ Đối với thửa đất số 59: Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được UBND thành phố Đ cấp giấy CNQSDĐ số BG021510 UBND thành phố Đ cấp ngày 21/3/2013, diện tích 77,3 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị. Diện tích tăng thêm sử dụng ổn định không tranh chấp được UBND phường M xác nhận ngày 12/3/2019 tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư.

Trên cơ sở nguồn gốc sử dụng đất, giấy tờ về đất. Ngày 17/6/2019, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 705/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Lò Thị Kim T - Lò Văn M; theo đó gia đình bà T bị thu hồi 302,1 m<sup>2</sup> đất, trong đó đất ở tại đô thị 227,3 m<sup>2</sup> (diện tích 97,0 m<sup>2</sup> thửa đất số 28, tờ số 01; diện tích 100m<sup>2</sup> thửa đất số 29, tờ số 01; diện tích 30,3 m<sup>2</sup> thửa đất số 59, tờ số 01), đất trồng cây lâu năm 74,8 m<sup>2</sup> (diện tích 69,8 m<sup>2</sup> thửa đất số 28, tờ số 01; diện tích 5,0 m<sup>2</sup> thửa đất số 29, tờ số 01). Đồng thời ban hành Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, phần liên quan đến bà Lò Thị Kim T là đúng theo quy định của pháp luật.

- Nội dung áp dụng đơn giá bồi thường tại Quyết định số: 1787/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ, giai đoạn II (2017-2020). Hạng mục công trình: Đường từ cầu A1 xuống cầu C4. Địa phận: Phường M - thành phố Đ (đợt 1 - lần 1).

Căn cứ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013; giá đất cụ thể để sử dụng làm căn cứ trong việc: "...Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất..." thẩm quyền ban hành giá đất cụ thể thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Đ (theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật đất đai năm 2013; Điều 17, khoản 3 Điều 21 Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất).

Việc sử dụng Quyết định số: 821/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Đ về phê duyệt giá cụ thể, giá tài sản, cây cối trên đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với các thửa đất trong phạm vi phải thu hồi để thực hiện Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ giai đoạn 2 (2017-2020). Hạng mục công trình: Đường từ cầu A1 xuống cầu C4. Địa phận: Phường M, phường N - thành phố Đ (đợt 1 - lần 1) trong đó có gia đình bà Lò Thị Kim T là đúng theo quy định. Tuy nhiên, việc áp dụng đơn giá bồi thường đối với đất nông nghiệp theo quyết định Quyết định số: 821/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Đ tại thời điểm thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình bà là chưa phù hợp (do dự án chậm thực hiện). UBND thành phố Đ đã ghi nhận nội dung đề nghị của gia đình bà T cũng như các gia đình khác thuộc dự án.

Ngày 14/11/2019 UBND thành phố Đ đã có tờ trình số: 1622/TTr-UBND, tờ trình số: 431/TTr-UBND ngày 25/3/2020 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung giá đất cụ thể hạng mục: Đường từ cầu A1 xuống cầu C4 và bổ sung giá đất cụ thể đất vườn ao của hộ gia đình, cá nhân được xác định là đất ở trong cùng một thửa đất đang có nhà ở trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Điện Biên và UBND tỉnh Đ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung giá đất cụ thể Hạng mục: Đường từ cầu A1 xuống cầu C4, UBND thành phố Đ sẽ chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng và các phòng ban đơn vị liên quan lập điều chỉnh bổ sung trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Đối với nội dung UBND thành phố Đ thu hồi đất ở của gia đình 227,3 m<sup>2</sup> (ODT), nhưng không bồi thường bằng đất mà chỉ bồi thường bằng tiền...

Trên cơ sở diện tích, loại đất, kích thước của các thửa đất còn lại sau thu hồi thì thửa đất số 59 đủ điều kiện tách thửa đối với đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định số: 28/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất; diện tích tối thiểu được phép tách thửa và mức đất xây dựng phần mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Điện Biên (thửa đất số 59, diện tích đo đạc 101,3 m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi 30,3 m<sup>2</sup>, diện tích còn lại 71,0 m<sup>2</sup>, trong đó: Đất ở 47,0 m<sup>2</sup> (kích thước hình thửa của đất ở còn lại (5m x 9,4m), đất trồng cây lâu năm 24,0 m<sup>2</sup>); các thửa đất còn lại (28+29) không đủ điều kiện để tách thửa đối với đất ở theo quy định.

Căn cứ Điều 79 Luật đất đai 2013; Điều 6 Nghị Định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 10 Quyết định số: 28/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Đ. Trên cơ sở diện tích, loại đất, kích thước của các thửa đất còn lại sau thu hồi đối với thửa đất số 59 nêu trên vẫn đủ điều kiện để ở. Do đó, việc gia đình bà Lò Thị Kim T yêu cầu bồi thường đất ở bằng việc giao đất tái định cư (đất đổi đất) là không có cơ sở.

UBND thành phố Đ nhận thấy việc gia đình bà Lò Thị Kim T đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ - phần liên quan đến bà Lò Thị Kim T là không có cơ sở.

2. Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 116/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà

Lò Thị Kim T (lần đầu). cụ thể hủy phần giải quyết khiếu nại đối với 02 Quyết định: Quyết định số 705 ngày 17/6/2019 và Quyết định số 682 ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Trên cơ sở xác định về điều kiện được bồi thường bằng đất (giao đất tái định cư) nêu phần trên, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số: 116/QĐ-UBND ngày 20.01/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lò Thị Kim T (lần đầu) là đúng theo quy định. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T, ông M là không có cơ sở.

Việc UBND thành phố Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) chậm muộn đối với gia đình bà Lò Thị Kim T, theo quy định của Luật số: 02/2011/QH13, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

***Tại phiên tòa, ông Trần Ngọc T là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:***

Theo quy định tại các Điều 74, 75, 79 Luật đất đai năm 2013; Điều 5 quy định ban hành kèm theo Quyết định số: 28/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 và Điều 3 quy định ban hành kèm theo Quyết định số: 34/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 thì hộ gia đình bà T bị thu hồi 03 thửa đất, trong đó có 02 thửa đất bị thu hồi toàn bộ, một thửa đất bị thu hồi một phần, diện tích đất ở còn lại là 47 m<sup>2</sup>, gia đình bà T không còn nhà ở, chỗ ở nào khác trên địa bàn phường M. Do đó, đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở. UBND thành phố Đ cho rằng diện tích đất ở của gia đình bà T còn lại đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tại khoản 1 Điều 10 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28 của UBND tỉnh Đ nên không bố trí tái định cư cho gia đình bà T là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà T khi bị Nhà nước thu hồi đất.

Việc áp giá đối với đất trồng cây lâu năm liền kề với đất ở được thực hiện theo đơn giá quy định tại Quyết định số 821 của UBND tỉnh Đ là không phù hợp vì quy định này đã quá lâu nên không đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất.

Quyết định số 116 của Chủ tịch UBND thành phố Đ không hợp pháp do vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại, cụ thể là việc giải quyết khiếu nại kéo dài trong thời hạn 06 tháng; gia đình bà T gửi 02 đơn khiếu nại vào 02 thời điểm với 02 nội dung khác nhau (01 đơn khiếu nại Thông báo số 525; 01 đơn khiếu nại Quyết định số 705 và Quyết định số 682) nhưng Chủ tịch UBND thành phố Đ đã gộp hai nội dung của hai đơn khiếu nại để giải quyết một lần là không đúng quy trình. Việc giải quyết khiếu nại không đúng trọng tâm, không xem xét đầy đủ các điều kiện của công dân nên áp dụng không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị Kim T và ông Lò Văn M.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Thẩm phán đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, tư cách tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; việc xác minh thu thập tài liệu, chứng

cứ thực hiện đầy đủ, khách quan; việc tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo hợp lệ, đúng thời hạn; Hội đồng xét xử đúng thành phần, điều khiển phiên tòa công khai, dân chủ, phát huy tính tranh tụng theo quy định của Luật TTHC; Thư ký thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn theo quy định; các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật TTHC. Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị HĐXX hủy một phần Quyết định số 682 của UBND thành phố Đ và một phần Quyết định số 116 của Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Tòa án đã tiến hành tổ chức 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và 03 phiên đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng 02 lần đối thoại người bị kiện vắng mặt, 01 lần đối thoại không thành. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ và Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 20/01/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng Hành chính;

Bà Lò Thị Kim T ông Lò Văn M cho rằng các quyết định trên là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông bà có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 21/02/2020, bà Lò Thị Kim T và ông Lò Văn M khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên là đã thực hiện việc khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng Hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

#### **[2] Về Nội dung:**

***[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính bị kiện:***

##### ***[2.1.1] Tính hợp pháp về hình thức:***

Căn cứ vào Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ” giai đoạn II (2017-2020); Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, mảnh chính lý, trích lục địa chính 86 năm 2018 (tờ bản đồ số 01+02+03+03+04+05) Chương

trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Đ giai đoạn II (2017-2020), hạng mục: đường từ cầu A1 xuống cầu C4 do Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường V thực hiện ngày 05/12/2018, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 06/12/2018.

Ngày 17/6/2019 Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số: 705/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Lò Thị Kim T - Lò Văn M để thực hiện dự án, cùng ngày UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 682/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó có gia đình bà Lò Thị Kim T, ông Lò Văn M.

Quyết định số 705/QĐ-UBND và Quyết định số 682/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Đ được ban hành đúng quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; hình thức được thực hiện theo đúng mẫu số 10 Ban hành kèm theo Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Do ông bà Lò Thị Kim T - Lò Văn M khiếu nại đối với Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 nên ngày 20/01/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số: 116/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lò Thị Kim T (lần đầu). Quyết định giải quyết khiếu nại đảm bảo quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011 và điểm a khoản 1 Điều 22 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; đúng mẫu số 15-KN ban hành kèm theo Thông tư số: 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định Quyết định số 682 và Quyết định số 116 nêu trên hợp pháp về hình thức.

#### *[2.1.2] Tính hợp pháp về nội dung:*

Gia đình bà Lò Thị Kim T, ông Lò Văn M có 03 thửa đất thuộc Dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ” giai đoạn II (2017-2020), hạng mục đường từ cầu A1 xuống cầu C4 (địa phận phường M, thành phố Đ). Cả 03 thửa đất đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy CNQSDĐ, ông bà T - M sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Cụ thể:

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 1 (bản đồ lập năm 2018), có diện tích **174 m<sup>2</sup>**, trong đó: Đất ở tại đô thị 100 m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 74 m<sup>2</sup> - Giấy CNQSDĐ số CH23787 cấp ngày 18/3/2013. Bị thu hồi: **97 m<sup>2</sup>** đất ở tại đô thị (ODT) và **69,8 m<sup>2</sup>** đất trồng cây lâu năm (CLN). Trên đất có công trình xây dựng nhà ở.

- Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1 (bản đồ lập năm 2018), có diện tích **100 m<sup>2</sup>** Đất ở tại đô thị - Giấy CNQSDĐ số H05604 cấp ngày 09/6/2006. Bị thu hồi toàn bộ là **100 m<sup>2</sup>** đất ở tại đô thị (ODT). Trên đất có công trình xây dựng nhà ở.

- Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 1 (bản đồ lập năm 2018), có diện tích **77,3 m<sup>2</sup>** Đất ở tại đô thị - Giấy CNQSDĐ số BG021510 cấp ngày 21/3/2013. Bị thu hồi: **30,3 m<sup>2</sup>** đất ở tại đô thị (ODT).



Tổng diện tích đất gia đình ông bà T - M bị thu hồi là: 227,3 m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị và 69,8 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm.

Tại Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.. tại số thứ tự 16 của biểu 1, biểu 2 ban hành kèm theo Quyết định số 682, gia đình ông bà T - M được bồi thường về đất đối với cả 03 thửa (đất ở tại đô thị 227,3 m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 74,8 m<sup>2</sup>) với tổng số tiền là: **361.710.000 đồng** (ba trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Đ quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, diện tích tối thiểu được phép tách thửa và mức đất xây dựng phân mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Điện Biên thì: Thửa đất số 28 và thửa đất số 29 sau khi thu hồi không đủ điều kiện để tách thửa; Thửa đất số 59 sau khi thu hồi còn lại 47 m<sup>2</sup> đất ở (5m x 9,4m) - đủ điều kiện tách thửa.

UBND thành phố Đ đã xác định trên địa bàn phường M, thành phố Đ, gia đình bà T không còn đất ở, nhà ở nào khác.

Để bố trí tái định cư cho những hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án Chương trình khu đô thị miền núi phía Bắc, UBND tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 về việc “Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án Khu tái định cư các hộ dân đường 15m đường từ cầu A1 xuống cầu C4 - Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên”, theo đó: Quỹ đất dành cho khu tái định cư là 38.187 m<sup>2</sup>, gồm: Đất ở tái định cư liên kề là 11.318 m<sup>2</sup>, đất ở tái định cư làng bản là 3.427 m<sup>2</sup>, đất giao thông là 10.308 m<sup>2</sup> và đất sử dụng vào các hạng mục khác. Hiện nay, UBND thành phố Đ mới phê duyệt cho 42 trường hợp đủ điều kiện được giao đất, khả năng dung nạp của Khu tái định cư vẫn còn; trong khi đó gia đình bà T có nguyện vọng được bố trí đất tái định cư để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, gia đình bà T bị thu hồi nhiều đất, nhưng diện tích đất ở còn lại quá ít, không đảm bảo để xây dựng nhà ở tại thành phố thuộc đô thị loại 3 của tỉnh miền núi; đồng thời hộ gia đình bà T là đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực các bản trong đô thị.

Do cả 03 thửa đất đều đứng tên bà Lò Thị Kim T nên UBND thành phố Đ đã tính gộp tổng diện tích đất bị thu hồi và diện tích đất còn lại của cả 03 thửa đất để xác định gia đình bà T "Không đủ điều kiện tái định cư" là chưa hợp lý, bởi nếu trong trường hợp thửa đất số 28, 29 không phải do bà T đứng tên chủ sử dụng đất, thì khi thu hồi hết diện tích của 02 thửa đất này thì chủ sử dụng đất của 02 thửa đó đủ điều kiện được bố trí tái định cư.

UBND thành phố Đ cho rằng, gia đình bà T sau khi bị thu hồi đất, diện tích đất còn lại vẫn đủ điều kiện để ở tại đô thị nên không bồi thường bằng đất ở mà bồi thường bằng tiền là 361.710.000 triệu đồng. Về mặt thực tế thì với số tiền bồi thường này không đủ để mua một suất đất ở tại đô thị trên địa bàn thành phố Đ tại thời điểm bồi thường.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định: Gia đình bà Lò Thị Kim T đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở theo các quy định tại khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 75, điểm a, b khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 và Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số: 28/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Đ. UBND thành phố Đ không bồi thường bằng đất mà bồi thường bằng tiền cho gia đình bà Lò Thị Kim T - ông Lò Văn M là không phù hợp với quy định của pháp luật, chưa xem xét đầy đủ các điều kiện thực tế, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho người có đất bị thu hồi.

Ngoài ra, việc áp dụng đơn giá bồi thường đối với phần diện tích đất nông nghiệp thu hồi của gia đình bà T theo Quyết định số: 821/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Đ là chưa phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án, UBND thành phố Đ đã ghi nhận nội dung khởi kiện này của bà T là có căn cứ.

Bà Lò Thị Kim T đã khiếu nại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường với mong muốn được giải quyết lại quyền lợi, có đất ở tái định cư để ổn định cuộc sống sau khi bị Nhà nước thu hồi đất và phải di chuyển chỗ ở. Chủ tịch UBND thành phố Đ giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà T, giữ nguyên Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, như vậy là chưa xem xét đầy đủ, toàn diện các quy định của pháp luật; việc giải quyết không phù hợp với điều kiện thực tế, chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

Từ những phân tích trên, khẳng định Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ và Quyết định số: 116/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ không hợp pháp về nội dung.

## ***[2.2] Tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện :***

### ***[2.2.1] Về thẩm quyền:***

Trên cơ sở Quyết định số: 1186/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ” giai đoạn II (2017-2020); Văn bản số: 540/STNMT-QLĐĐ ngày 24/8/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn xác định thẩm quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật đất đai.

Ngày 17/6/2019, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 682/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013

Ngày 20/01/2020, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 116/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định các Quyết định hành chính bị khiếu kiện nêu trên hợp pháp về Thẩm quyền.

### ***[2.2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:***

[2.2.2.1] Đối với Quyết định số: 682/QĐ-UBND

Ngày 17/6/2019, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 705/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Lò Thị Kim T - Lò Văn M. Cùng ngày, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 682/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó có biểu chi tiết bồi thường cho gia đình bà T - ông M.

Trình tự thủ tục ban hành Quyết định số: 682/QĐ-UBND được tiến hành đúng quy định tại Điều 69 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1, 2 Điều 17 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[2.2.2.2] Đối với Quyết định số 116/QĐ-UBND. Theo hồ sơ giải quyết khiếu nại và các tài liệu do người bị kiện cung cấp, thể hiện:

Ngày 24/6/2019, bà Lò Thị Kim T có đơn khiếu nại Quyết định 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 và Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019;

Ngày 09/7/2019, UBND thành phố Đ thụ lý đơn khiếu nại tại Thông báo số 897/TB-UBND;

Ngày 09/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ra quyết định số: 803/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của công dân;

Ngày 27/11/2019, Phòng Tài nguyên và môi trường ban hành Quyết định số: 407/QĐ-TN&MT về việc thành lập Tổ kiểm tra, xác minh, giải quyết đơn khiếu nại của công dân;

Ngày 05/12/2019, UBND thành phố Đ tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Thành phần phiên đối thoại và nội dung đối thoại đảm bảo quy định tại Điều 30 Luật khiếu nại năm 2011 và Điều 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Ngày 20/01/2020, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 116/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với bà T (lần đầu).

Như vậy, việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 27, 30, điểm a khoản 1 Điều 31 Luật khiếu nại; các Điều 5, 7, 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Tuy nhiên UBND thành phố Đ chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục về quy trình giải quyết khiếu nại quy định tại Thông tư số: 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ như: Không Lập kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại (Điều 8), không công bố quyết định xác minh nội dung khiếu nại (Điều 9), không làm việc trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại (Điều 10, 11), không có báo cáo kết quả xác minh của Tổ xác minh (Điều 18).

Do đó, khẳng định Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 116 không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Cần kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố Đ rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện thủ tục giải quyết khiếu nại của công dân.

***[2.3] Tính hợp pháp về thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện:***

Trong cùng ngày 17/6/2019 UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 705/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số: 682/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Như vậy, việc ban hành quyết định hành chính là đảm bảo thời hạn quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013.

Ngày 09/7/2019, UBND thành phố Đ thụ lý đơn khiếu nại của bà Lò Thị Kim T; đến ngày 20/01/2020 Chủ tịch UBND thành phố Đ mới ra Quyết định số: 116/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà T là quá thời hạn quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011. Do đó, thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định này không hợp pháp, tuy nhiên việc vi phạm về thời hạn không làm ảnh hưởng đến thời hiệu khởi kiện của bà T, quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà T chưa bị ảnh hưởng. Hội đồng xét xử chỉ kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố Đ rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện công vụ.

***[2.4] Mối liên hệ giữa quyết định hành chính với quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và những người có liên quan:***

Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ, giai đoạn 2 (2017-2020); trong đó có biểu 2 chi tiết bồi thường cho gia đình bà T – ông M và Quyết định giải quyết khiếu nại số: 116/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ đã xác định gia đình ông bà Lò Thị Kim T - Lò Văn M không đủ điều kiện được bồi thường bằng đất nên không bố trí tái định cư cho gia đình bà Lò Thị Kim T - ông Lò Văn M là không đúng quy định của pháp luật, không phù hợp với điều kiện thực tế, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện như đã phân tích, đánh giá ở phần [2.1.2.].

***[2.5] Tính hợp pháp và tính có căn cứ của văn bản hành chính có liên quan (nếu có) đến quyết định hành chính bị khiếu kiện:***

Ngoài các quyết định hành chính bị khởi kiện, trong vụ án này còn có quyết định hành chính khác có liên quan đó là: Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Lò Thị Kim T - Lò Văn M để thực hiện dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ”. Qua xem xét, đánh giá thấy rằng quyết định trên hợp pháp về thẩm quyền, hình thức và nội dung; hợp pháp về trình tự, thủ tục và thời hạn, thời hiệu ban hành, do đó quyết định này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 116 ngày 20/01/2020, bao gồm cả nội dung giải quyết khiếu nại đối với Thông báo thu hồi đất số: 525/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND thành phố Đ (để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15 mét từ cầu A2 xuống cầu C4 - thành phố Đ). Tuy nhiên, bà T - ông M không khởi kiện đối với Thông báo số 525 và không yêu cầu

xem xét phần giải quyết khiếu nại đối với Thông báo này. Xét thấy, Thông báo số 525 và một phần nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định 116 không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét tính hợp pháp của nội dung đó.

**Từ những phân tích và đánh giá nêu trên**, có đủ cơ sở khẳng định một phần Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ (biểu 2 chi tiết bồi thường cho gia đình bà Lò Thị Kim T - ông Lò Văn M và một phần Quyết định số: 116/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ **không hợp pháp về nội dung**.

Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị Kim T và ông Lò Văn M là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận, hủy một phần các quyết định hành chính trên, buộc UBND thành phố Đ ban hành quyết định hành chính mới đối với phần bồi thường về đất ở bằng việc giao đất tái định cư cho gia đình ông bà T - M như đã phân tích trong bản án.

Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Tại phiên đối thoại ngày 08/8/2020, các đương sự đề nghị Tòa án làm văn bản yêu cầu UBND tỉnh Đ giải thích về phạm vi áp dụng của Quyết định số: 28/QĐ-UBND ngày 14/10/2014. Hội đồng xét xử xét thấy, những nội dung các đương sự yêu cầu đã được thể hiện rõ tại khoản 2 Điều 1 và khoản 2 Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28. Do đó không cần thiết phải yêu cầu UBND tỉnh giải thích, HĐXX không chấp nhận đề nghị của các đương sự.

[4] **Về án phí:** Căn cứ quy định tại Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Yêu cầu khởi kiện của bà Thị Kim T và ông Lò Văn M được chấp nhận nên bà T, ông M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng; UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND thành phố Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 204, khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 62; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 66; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 69; các Điều 74, 75, 79 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ

Căn cứ Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị Kim T và ông Lò Văn M.

- Hủy một phần Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Đ, giai đoạn 2 (2017-2020); hạng mục công trình: Đường từ cầu A1 xuống cầu C4; địa phận: Phường M, thành phố Đ (đợt 4); cụ thể: Hủy mục a "Bồi thường về đất" thuộc số thứ tự 16 đối với hộ gia đình bà Lò Thị Kim T - ông Lò Văn M tại Biểu niêm yết kèm theo Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ;

- Hủy một phần Quyết định số: 116/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Lò Thị Kim T, địa chỉ bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (lần đầu); cụ thể: Hủy phần giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số: 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Lò Thị Kim T - Lò Văn M và Quyết định số: 682/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên phải ban hành Biểu tính toán bồi thường mới đối với gia đình bà Lò Thị Kim T - ông Lò Văn M về bồi thường đất ở bằng việc giao đất tái định cư và áp giá bồi thường đối với đất nông nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lò Thị Kim T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/08252 ngày 28/02/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lò Thị Kim T, ông Lò Văn M có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/8/2020). Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh

Điện Biên có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND Cấp cao tại HN;
- Người BV quyền và lợi ích hợp pháp;
- UBND tỉnh Đ *(khi có HLPL)*;
- Cục THADS tỉnh ĐB *(khi có HLPL)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hoà**